

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2021/DS-ST

Ngày: 19 -4-2021

V/v “Tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm
2020 về việc “Tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 160/2021/QĐXXST-DS ngày
03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1938; địa chỉ: Thôn H1, xã S,
huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: anh Đinh Đức A, sinh năm: 1979
(con trai của bà H); địa chỉ: Thôn H1, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Minh T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn H1, xã S, huyện
M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bắc V - Chức vụ: Chủ tịch
UBND huyện M. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hồng T1 - Chức vụ: Chủ tịch
UBND xã S; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Đinh
Văn Q - Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã S. Có mặt.

- Bà Đinh Thị L (Vợ bị đơn); Địa chỉ: Thôn H1, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Các người con của bà Đinh Thị H và ông Đinh K, gồm:

+ Anh Đinh Xuân H3, anh Đinh Hồng T2, anh Đinh Văn T3, chị Đinh Thị Q1, anh Đinh Đức A, và chị Đinh Thị D. Hiện tại anh H2, anh T3 và anh A đều có địa chỉ tại thôn H1, xã S, huyện M; anh T2 có địa chỉ tại thôn H4, xã S, huyện M; chị Q1 có địa chỉ tại thôn Đ, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; chị D có địa chỉ tại xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị.

Anh H3, anh T2, anh T3 có giấy ủy quyền cho anh A tham gia tố tụng - anh A có mặt tại phiên tòa; Chị Q1, chị D đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đinh Đức A trình bày:

Năm 2005, bố mẹ anh là ông Đinh K (đã chết) và bà Đinh Thị H được UBND huyện M cấp đất với diện tích 33.000m² thuộc Lô 51-K4-NTK1, địa chỉ tại đồi Ông L2, xã S, huyện M. Năm 2008 được UBND huyện M cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 35.000m² thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 12, xã S. Năm 2014, khi ông Đinh K chết, bà H mở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra mới biết diện tích thửa đất của gia đình bà là 35.000m², gia đình bà nhờ địa chính kiểm tra lại thì được biết phần đất mà hiện tại ông Cao Minh T đang sử dụng là đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả lại đất cho gia đình bà theo đúng diện tích đã được cấp đổi năm 2008.

- Bị đơn anh Cao Minh T trình bày:

Vợ chồng anh trước đây ở thôn T, xã S, đến năm 2006 xã S có chủ trương di dân đến ở tại khu vực đồi ông L2. Năm 2007 gia đình anh T và nhiều gia đình khác chuyển đến ở tại đồi ông L2, nhưng sau đó do khu vực này trên đồi, gió to nên hầu hết các hộ gia đình lại chuyển đi nơi khác chỉ còn lại gia đình anh T và một vài gia đình khác bám trụ sinh sống cho đến nay. Ngày 19/9/2007 cán bộ xã đến cắm mốc giới chỉ đất cho gia đình anh T, ngày 29/9/2007 anh T san ủi lại đất cho bằng rồi dựng nhà sinh sống ổn định từ đó đến nay. Đất của bà H là đất lâm nghiệp sát ở phía sau đất của anh T, ranh giới giữa hai thửa đất là hàng rào dây thép vắn ổn định từ ngày anh T về ở cho đến nay mà không hề xảy ra tranh chấp. Trước đây chưa có chủ trương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh T chưa kê khai. Đến năm 2018 anh T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được trả lời đất đã được cấp cho bà H. Anh T cho rằng đất cấp cho bà H năm 2005 chỉ có 3,3 ha, nhưng đến năm 2008 cấp đổi lại ghi 3,5 ha (Tăng 0,2 ha); lúc cấp lại đất cho bà H thì đã có nhà ở của anh T ở đó nhưng cán bộ không kiểm tra mà lại cấp đất cho bà H lên trên đất của gia đình anh T. Như vậy việc cấp đất cho gia đình bà H là sai quy định nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; anh T yêu cầu phản tố

đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện đã cấp cho bà H năm 2008.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M có ý kiến trình bày:*

Năm 2005, bà Đinh Thị H (ông Đinh K) được Hội đồng đăng ký đất đai của xã S xét giao đất với diện tích 33.000m² thuộc Lô 51-K4-NTK1-đồi ông L2. Sau đó, UBND xã S có hồ sơ đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 30/12/2005 hộ gia đình bà Đinh Thị H được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 33.000m². Năm 2008, xã S đo vẽ lại bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN2000 đồng thời cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp với hệ thống bản đồ mới. Hộ gia đình bà Đinh Thị H cũng được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 35.000m² thuộc thửa đất 157 (Khoảnh 4 – Tiểu khu: NTK1) tờ bản đồ số 13, xã S. Căn cứ vào giấy chứng nhận đã cấp cho bà Đinh Thị H năm 2005 và năm 2008 thì thửa đất có vị trí trùng nhau “Khoảnh 4-TK: NTK1” và “địa chỉ thửa đất: đồi ông L2”.

**Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản:*

- *Thẩm định tại chỗ:* Thửa đất số 157 tờ bản đồ số 13, địa chỉ: đồi ông L2, Thôn H1, xã S, huyện M đã được UBND huyện M cấp cho ông Đinh K, bà Đinh Thị H ngày 26/12/2008 có tổng diện tích là 35.000m². Trong đó phần đất không có tranh chấp là 32.837m²; phần đất có tranh chấp giữa bà H với anh T (Phần đất hiện nay gia đình anh T đang sử dụng) là 2.163m² (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Trên phần diện tích đang tranh chấp có 01 nhà gỗ 02 gian , 01 nhà bếp bằng gỗ lợp Fibroximăng và cây trồng các loại của gia đình anh Cao Minh T.

- *Định giá tài sản:*

+ Về các loại cây trồng trên đất (Số liệu cây có biên bản kèm theo) có tổng trị giá: 12.095.800 đồng

+ Về 01 nhà gỗ 02 gian lợp Fibroximăng, nền xi măng, xây dựng năm 2007, có diện tích: 10,10m x 10,70m = 108,07m². Có giá trị tại thời điểm định giá là: 108,07m² x 295.000 đồng/m² = 31.880.000 đồng

+ Về 01 nhà bếp bằng gỗ lợp Fibroximăng, nền xi măng, xây dựng năm 2007, có diện tích: 10,10m x 3m = 30,3m². Có giá trị tại thời điểm định giá là: 30,3m² x 212.000 đồng/m² = 6.424.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên phần đất đang có tranh chấp là: 50.399.800 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất hơn 2000 m² cho nguyên đơn;

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M đã cấp cho gia đình bà

H năm 2008 đối với thửa đất số 157 tờ bản đồ số 13, địa chỉ: đồi ông L2, Thôn H1, xã S, huyện M.

- Đại diện UBND xã S trình bày: Năm 2007 UBND xã S có chủ trương quy hoạch, vận động đưa người dân đang sinh sống tại các vùng có nguy cơ sạt lở về ở tại khu vực đồi ông L2 (xóm B), tuy nhiên do khu vực này xa khu dân cư, đồi núi hoang vắng nên chỉ có một vài gia đình đến ở trong đó có gia đình anh T. Xã S là xã biên giới, vùng núi rẻo cao, nên tại thời điểm năm 2007 chỉ tuyên truyền vận động người dân đang sinh sống từ chỗ thấp dễ bị sạt lở chuyển đến chỗ cao để ở chứ không hề có quyết định hoặc văn bản giấy tờ gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M đã cấp cho bà Đinh Thị H năm 2008. Do bà H là người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H; bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Trong vụ án này Tòa án có xem xét đến yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đinh K và bà Đinh Thị H, do ông K đã chết nên Tòa án đưa các người con của ông K, bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đinh Thị H, anh Đinh Xuân H3, anh Đinh Hồng T2 và anh Đinh Văn T3 vắng mặt nhưng đã có giấy ủy quyền cho anh Đinh Đức A; đại diện UBND huyện M, chị Đinh Thị Q1 và chị Đinh Thị D, đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nguồn gốc thửa đất của ông Đinh K và bà Đinh Thị H:

- Tại danh sách các hộ đăng ký nhận giao đất lâm nghiệp do UBND xã S lập ngày 10/9/2005, gia đình ông Đinh K (Chồng bà Đinh Thị H) đã đăng ký diện tích 3,3ha đất để trồng rừng, thuộc địa danh NTK1-K4-L51, tại đồi ông L2 (Thôn H1, xã S);

- Ngày 30/12/2005 UBND huyện M ban hành Quyết định số: 1161/2005/QĐ-UBND Về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ lâm nghiệp, đã quyết định giao 137,5 ha đất lâm nghiệp tại thôn H1, xã S cho 53 hộ gia đình với 53 giấy chứng nhận QSDĐ để sử dụng vào mục đích sản xuất Lâm nghiệp. Trong đó gia đình ông Đinh K được giao diện tích 3,3 ha đất tại khu vực đồi ông L2;

- Ngày 30/12/2005, UBND huyện M đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AC 900064 cho hộ ông Đinh K và bà Đinh Thị H đối với thửa đất số lô 51/K4/ Tiểu khu

NTK 1; tờ bản đồ số 01 (Bản đồ đất lâm nghiệp thôn H1, xã S); địa chỉ: đồi ông L2, xã S; diện tích 33.000 m² (3,3 ha).

- Ngày 25/12/2007, ông Đinh K viết đơn xin cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp;

- Ngày 26/12/2008, UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 648682 cho hộ ông Đinh K, bà Đinh Thị H thừa số 157, tờ bản đồ số 13, địa chỉ đồi ông L2, thôn H1, xã S, huyện M; diện tích 35.000 m²;

[3]. Nguồn gốc sử dụng đất của anh Cao Minh T:

Năm 2007, UBND xã S, huyện M có chủ trương vận động dân đến sinh sống tại vùng “Xóm B” (đồi ông L2), thôn H1, xã S, đã có 07 hộ dân chuyển đến sinh sống tại khu vực trên, tuy nhiên do khu vực này gió to nên sau đó hầu hết các gia đình đã chuyển đi ở nơi khác, còn lại 02 hộ gia đình (Gia đình ông Đinh Văn T4 và gia đình anh Cao Minh T) ở lại sinh sống cho đến nay. Trong đó gia đình anh Cao Minh T được xã xác định ranh giới và giao đất tại khu vực đồi ông L2. Tháng 9/2007 gia đình anh T tiến hành san đất và làm nhà sinh sống ổn định cho đến nay. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất mà gia đình anh T sử dụng là 2.163m².

[4]. Xét yêu cầu đòi lại đất của bà Đinh Thị H:

Năm 2005 bà H được UBND huyện M cấp 33.000m² đất trồng rừng. Việc cấp đất được cơ quan chức năng xác định mốc giới cụ thể, vẽ sơ đồ thửa đất trong hồ sơ kỹ thuật và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp đất gia đình bà H đã tiến hành trồng cây keo trên toàn bộ diện tích đất được cấp theo đúng sơ đồ đã xác định, có ranh giới rõ ràng. Năm 2007, được sự đồng ý của chính quyền địa phương nên vợ chồng anh T về làm nhà sinh sống tại khu vực đồi ông L2; diện tích đất mà anh T sử dụng nằm ngoài diện tích đất mà UBND huyện M đã cấp cho gia đình bà H năm 2005. Kể từ khi anh T đến làm nhà sinh sống tại khu vực này thì đã hình thành ranh giới (Hàng rào bằng dây thép) ổn định giữa phần đất của hai gia đình đang sử dụng.

Theo đại diện của nguyên đơn trình bày thì từ năm 2007 đến trước năm 2014 hai gia đình sử dụng ổn định, không hề xảy ra tranh chấp; đến năm 2014 (sau khi ông Đinh K chết) gia đình bà H mới biết trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ghi diện tích 35.000 m², lúc này gia đình bà H đã nhờ cán bộ địa chính kiểm tra thì mới biết phần đất mà gia đình anh T đang làm nhà ở và sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà H. Như vậy chứng tỏ việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H năm 2008 chỉ được thực hiện trên giấy tờ chứ không được tiến hành kiểm tra, giao đất trên thực địa. Bởi lẽ từ tháng 9/2007 thì anh T đã xin đất làm nhà ở và đã hình thành khuôn viên riêng biệt với diện tích 2.163 m², nhưng sau đó vào năm 2008 khi UBND huyện M cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H đã cấp tăng thêm 2.000 m² (từ 33.000 m² lên 35.000 m²) và phần diện tích đất tăng lên chính là toàn bộ diện tích đất mà UBND xã đã cho phép anh T làm nhà và đang sinh

sống ổn định (qua đối chiếu sơ đồ hình thể thửa đất cấp cho gia đình bà H năm 2005 và sơ đồ cấp đất cho gia đình bà H năm 2008 với sơ đồ mà Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình đã thể hiện rõ việc cấp đất cho bà H năm 2008 đã chồng lên diện tích đất mà anh T đang sinh sống ổn định).

Vì vậy, mặc dù hiện tại toàn bộ diện tích đất mà gia đình anh Cao Minh T đang sử dụng đều nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà H, tuy nhiên phần diện tích này không phải do gia đình anh T lấn chiếm của gia đình bà H, mà do trong quá trình UBND huyện M cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H năm 2008 đã cấp tăng thêm cho gia đình bà H 2000 m² (từ 33.000 m² lên 35.000 m²), phần diện tích đất cấp tăng thêm đó đã chồng lên toàn bộ diện tích đất mà gia đình anh T đang sử dụng ổn định. Do đó, không thể buộc gia đình anh T phải trả lại 2000 m² đất cho gia đình bà H.

[5]. Xét yêu cầu của anh T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho gia đình bà H năm 2008:

Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H năm 2008 là nhằm để phù hợp với bản đồ địa chính mới, thuận tiện trong việc quản lý đất lâm nghiệp chứ không phải cấp lại thửa đất ở vị trí mới. Do đó, khi thực hiện quy trình cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thì chính quyền địa phương phải cấp đúng vị trí, đúng diện tích mà chủ sử dụng đất đã được cấp trước đó và đang sử dụng ổn định. Trường hợp nếu người sử dụng đất có đơn xin cấp thêm diện tích thì chính quyền địa phương phải xem xét, kiểm tra thực địa đối với diện tích xin cấp thêm sau đó mới thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Trong vụ án này do UBND huyện M đã không thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp (cấp đổi) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H dẫn đến đã cấp tăng thêm 2.000 m², và diện tích đất cấp tăng thêm đó đã chồng lên toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông T đang sử dụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh T. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M đã cấp cho hộ ông Đinh K, bà Đinh Thị H năm 2008.

UBND huyện M có trách nhiệm xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Đinh Thị H và gia đình ông Cao Minh T theo đúng hiện trạng mà hai gia đình đang sử dụng.

Gia đình bà H và gia đình anh T có trách nhiệm liên hệ với chính quyền địa phương để được hướng dẫn làm lại các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Luật đất đai.

[6]. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lần 1 (do TAND huyện Minh Hóa thực hiện) là 3.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ.

- Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lần 2 (do TAND tỉnh Quảng Bình thực hiện) là 3.300.000 đồng, số tiền này do bị đơn nộp tạm ứng trước.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ (cả lần 1 và lần 2). Vì vậy, nguyên đơn phải có trách nhiệm hoàn trả cho bị đơn số tiền 3.300.000 đồng.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do bà Đinh Thị H thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Yêu cầu phản tố của anh Cao Minh T được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm. Bà H và anh T được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, các điều 34, 147, 157, 158, 165, 166 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 32, 50 của Luật đất đai năm 2003; các điều 100, 166, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, các khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H về việc yêu cầu anh Cao Minh T trả lại toàn bộ diện tích trên 2000 m² đất đã lần chiếm của gia đình bà tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 13, địa chỉ đồi ông L2, thôn H1, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Cao Minh T: Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 648682 do UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp cho hộ ông Đinh K và bà Đinh Thị H ngày 26/12/2008; thửa đất số 157, tờ bản đồ số 13, diện tích 35.000 m²; địa chỉ đồi ông L2, thôn H1, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

-Ủy ban nhân dân huyện M có trách nhiệm xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Đinh Thị H và gia đình anh Cao Minh T theo đúng hiện trạng thửa đất mà hai gia đình đang sử dụng.

Gia đình bà Đinh Thị H và gia đình anh Cao Minh T có trách nhiệm liên hệ với chính quyền địa phương để được hướng dẫn làm lại các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Luật đất đai.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Đinh Thị H phải hoàn trả lại cho anh Cao Minh T 3.300.000 đồng (số tiền mà anh Cao Minh T đã nộp tạm ứng cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ lần 2).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Cao Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Bà Đinh thị H số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (Do anh Đinh Đức A nộp thay) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0004200 ngày 24/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Trả lại cho anh Cao Minh T số tiền 300.000 đồng mà anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0004234 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa và các đương sự vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa (không ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng tại phiên tòa) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ